



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 133 /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

VĂN PHÒNG UBND TP HÀ NỘI		
SỐ: 9467		
Ngày: 08/09/2026		
Chuyển:		
Số và ký hiệu HS:		
ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		X
PCT TT L.A.Quân		X
PCT L.T.Kiên		X
PCT Đ.T.Đức		X
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân	X	
PCT H.M.Cường		X
Q.CVP N.H.Long		X
PCVP T.V.Thiện	X	
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hùng		
P. NV&KT,GS		
P. NC	X	
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, chế độ áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy, trường giáo dưỡng và công tác quản lý sau cai nghiện ma túy

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 120/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quốc phòng, an ninh, đặc biệt;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, chế độ áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy, trường giáo dưỡng và công tác quản lý sau cai nghiện ma túy.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, chế

độ áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy, trường giáo dưỡng và công tác quản lý sau cai nghiện ma túy.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với:

a) Các khoản hỗ trợ có mục đích, địa chỉ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc các khoản hỗ trợ mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính đã có thỏa thuận.

b) Kinh phí đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho điểm tiếp nhận đăng ký cai nghiện tự nguyện thuộc Công an cấp xã; kinh phí đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 130 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy (sau đây viết tắt là Nghị định số 163/2026/NĐ-CP).

Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện, tổ chức hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 132 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

Kinh phí mua sắm thiết bị, công cụ hỗ trợ, phương tiện của cơ sở cai nghiện ma túy công lập theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

c) Chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với người bị quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi khi tiếp tục đi học ở các bậc học phổ thông tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 137 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

d) Chính sách hỗ trợ vay vốn tạo việc làm được thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 137 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP; Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm (sau đây viết tắt là Nghị định số 338/2025/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP trong thời hạn quản lý.

2. Người nghiện ma túy trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc.

3. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân, cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng.

4. Người bị quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

5. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, chế độ áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy, trường giáo dưỡng và công tác quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; chế độ áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc; hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng; quản lý sau cai nghiện ma túy và chế độ đối với người lao động hợp đồng tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Thông tư này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, tại cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước (ngoài các nguồn kinh phí hợp pháp khác) theo quy định tại khoản 3 Điều 131 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP và thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

3. Kinh phí thực hiện chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi thuộc khung do Chính phủ hoặc Bộ Tài chính quy định, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước dựa trên khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Đối với các khoản chi thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương nhưng chưa được cơ quan trung ương có thẩm quyền quy định thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Đối với các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương, việc ban hành các mức chi hỗ trợ cao hơn mức tối thiểu quy định tại Thông tư này phải bảo đảm trong phạm vi dự toán chi thường xuyên được giao, không làm tăng bù chi từ ngân sách trung ương.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGƯỜI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY

Điều 4. Chi công tác thực hiện biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Chi tổ chức xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP hoặc đột xuất theo kế hoạch chuyên đề:

a) Chi công cụ xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể: nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

b) Chi đưa người bị xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể tới nơi thực hiện xét nghiệm: nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

c) Chi trả cho cơ quan chuyên môn thực hiện xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể: nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

2. Chi cho việc xác định tình trạng nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm c, đ khoản 1 Điều 31 Luật Phòng, chống ma túy:

a) Chi đưa người được xác định tình trạng nghiện đến địa điểm xác định tình trạng nghiện: nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

b) Chi trả cơ sở y tế đủ điều kiện tiến hành xác định tình trạng nghiện: nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

3. Chi quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy:

a) Chi đưa người sử dụng trái phép chất ma túy và hồ sơ liên quan về Công an cấp xã có thẩm quyền quản lý: nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

b) Chi hỗ trợ cho người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhưng được phân công trực tiếp giúp đỡ người đang trong thời hạn quản lý: Mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nhưng không thấp hơn 25% mức lương cơ sở theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

Trường hợp một người được phân công trực tiếp tư vấn, quản lý, hỗ trợ đồng thời nhiều đối tượng hoặc nhiều nhiệm vụ cùng lúc thì được hưởng 01 mức thù lao hàng tháng cao nhất.

c) Chi công tác phí (nếu có) cho công an cấp xã nơi quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy kiểm tra tình hình cư trú của người đang trong thời hạn quản lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 61 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BCA ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trong Công an nhân dân và Thông tư số 110/2025/TT-BCA ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2018/TT-BCA ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trong Công an nhân dân (sau đây viết tắt là Thông tư số 24/2018/TT-BCA được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 110/2025/TT-BCA).

d) Chi giáo dục về pháp luật phòng, chống ma túy, tác hại của ma túy, các nội dung khác tùy theo đặc điểm nhân thân: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán

kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (sau đây viết tắt là Thông tư số 56/2023/TT-BTC).

đ) Chi hỗ trợ nhân viên công tác xã hội (nếu có) tư vấn, giới thiệu việc làm cho người sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian quản lý theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 61 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP: Mức chi thực hiện tương đương mức chi hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Chương III

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN CÔNG TÁC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA ĐI CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 5. Chi bảo đảm cho việc áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc

1. Chi lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc:

a) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, cước phí bưu chính, in ấn tài liệu, mẫu biểu phục vụ cho công tác lập hồ sơ, sao lưu tài liệu: Thực hiện theo quy định của pháp luật về dấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tuân thủ các quy định về hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

b) Chi công tác phí cho cán bộ đi xác minh nơi cư trú, bàn giao người vi phạm, xác minh, thu thập tài liệu để lập hồ sơ đề nghị hoặc thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BCA được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 110/2025/TT-BCA.

2. Chi quản lý người nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa đi cai nghiện bắt buộc: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

3. Chi đưa người nghiện ma túy đi cai nghiện bắt buộc; điều chuyển người cai nghiện ma túy giữa các cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng:

a) Mức chi tiền tàu xe hoặc thuê phương tiện vận chuyển theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương.

b) Trường hợp bố trí bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm vận chuyển. Trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận, phù hợp với giá cả trên địa bàn tại thời điểm thuê. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về việc quyết định bố trí phương tiện, thuê xe bên ngoài bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

4. Chi truy tìm người nghiện ma túy bỏ trốn theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP:

a) Chi chế độ công tác phí đối với người được giao nhiệm vụ truy tìm người nghiện ma túy bỏ trốn: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BCA được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 110/2025/TT-BCA.

b) Chi hỗ trợ người nghiện ma túy trong những ngày đi trên đường để đưa vào cơ sở cai nghiện công lập, trường giáo dưỡng kể từ ngày tìm được (nếu có):

- Tiền ăn: 80.000 đồng/người/ngày.

- Tiền thuê phòng nghỉ (nếu có) theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây viết tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC).

- Chi tiền tàu xe hoặc thuê phương tiện vận chuyển đưa người nghiện ma túy trở về: nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

5. Chi xác định tình trạng nghiện ma túy đối với người bị đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy tại cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện thuộc Công an nhân dân: nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

Điều 6. Chi thực hiện chế độ đối với người nghiện bị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng (sau đây gọi chung là người cai nghiện ma túy)

1. Chi chế độ ăn, mặc, đồ dùng sinh hoạt; chi điện, nước sinh hoạt của người cai nghiện ma túy:

- Chi tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện ma túy: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 113 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

- Chi chế độ mặc, trang phục, đồ dùng sinh hoạt của người cai nghiện ma túy theo quy định tại Điều 113 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tuân thủ các quy định về hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp. Riêng đối với người cai nghiện ma túy là nữ được cấp đồ dùng cần thiết cho vệ sinh cá nhân không quá 90.000 đồng/người cai nghiện/tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 113 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

- Chi tiền điện, nước sinh hoạt: mức chi 114.000 đồng/người cai nghiện ma túy/tháng.

2. Chi chế độ khám bệnh, chữa bệnh:

a) Chi phí cai nghiện ma túy:

- Khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ và theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế để quyết định chế độ cai nghiện ma túy: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập nơi người cai nghiện ma túy đến khám. Đối với mức chi xét nghiệm tình trạng nghiện ma túy thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

- Tiền thuốc và vật tư y tế tiêu hao phục vụ cắt cơn (trừ trường hợp đã được điều trị cắt cơn tại tổ chức xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở đa chức năng), giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh cơ hội khác (nếu có) theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế:

+ Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập nơi người cai nghiện ma túy đến khám.

+ Đối với các khoản chi khác: thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tuân thủ các quy định về hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

b) Chi khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 114 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập nơi người cai nghiện ma túy đến khám.

c) Chi thuốc chữa bệnh thông thường, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, các bệnh truyền nhiễm và phòng chống dịch bệnh cho người cai nghiện ma túy bị ốm được điều trị tại cơ sở cai nghiện công lập, trường giáo dưỡng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tuân thủ các quy định về hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

d) Chi phí điều trị đối với người cai nghiện ma túy bị ốm nặng vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện công lập, trường giáo dưỡng được đưa đến bệnh viện điều trị: Thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 114 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

Trường hợp người cai nghiện không có bảo hiểm y tế thì kinh phí khám, chữa bệnh cho người cai nghiện do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán chi của cơ sở cai nghiện ma túy theo đúng định mức dịch vụ kỹ thuật và giá viện phí của chế độ bảo hiểm y tế.

đ) Chi đưa, đón, trông người cai nghiện ma túy trong trường hợp bị ốm nặng vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện công lập, trường giáo dưỡng được đưa đến bệnh viện điều trị:

- Chi tiền tàu xe hoặc thuê phương tiện vận chuyển đưa, đón người cai nghiện ma túy và người của cơ sở cai nghiện công lập, trường giáo dưỡng được giao nhiệm vụ quản lý, không để người cai nghiện trốn hoặc vi phạm pháp luật theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP: nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

- Chi chế độ đối với người của cơ sở cai nghiện công lập, trường giáo dưỡng được giao nhiệm vụ quản lý người cai nghiện ma túy: áp dụng theo nội dung chi, mức chi chế độ công tác phí quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BCA được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 110/2025/TT-BCA.

e) Trường hợp người cai nghiện ma túy bị thương tích do tai nạn lao động, thiên tai, hỏa hoạn thì cơ sở cai nghiện công lập, trường giáo dưỡng phải tổ chức điều trị (trường hợp trong khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện công lập, trường giáo dưỡng) và làm thủ tục để thực hiện chế độ trợ cấp theo quy định.

3. Chi chế độ học văn hóa:

a) Chi tiền công giảng dạy văn hóa được thanh toán căn cứ số tiết giảng dạy thực tế và đơn giá tiền công theo hợp đồng. Mức chi được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động và các quy định pháp luật có liên quan, phù hợp với nội dung, thời lượng giảng dạy và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong phạm vi nhiệm vụ được giao thì không thanh toán tiền công từ khoản này.

b) Chi hỗ trợ học phẩm: Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định về hỗ trợ học phẩm cho học sinh tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

c) Chi tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm, thuê trang thiết bị dạy học và các khoản chi cần thiết khác (nếu có) phục vụ trực tiếp công tác dạy và học văn hóa cho đối tượng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tuân thủ các quy định về hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

d) Chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo các chuyên đề về sức khỏe cộng đồng, pháp luật, đạo đức, truyền thống dân tộc, giáo dục công dân và chuyên đề khác phù hợp với số lượng, trình độ học vấn của người cai nghiện ma túy: Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC.

4. Chi chế độ học nghề:

a) Người cai nghiện ma túy chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học. Mức hỗ trợ cụ thể tùy theo từng đối tượng, từng nghề, thời gian học thực tế và hình thức học nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Điều 7

Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng (sau đây viết tắt là Thông tư số 152/2016/TT-BTC) được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC (sau đây viết tắt là Thông tư số 40/2019/TT-BTC); không hỗ trợ tiền học nghề cho đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc từ lần thứ hai trở đi mà đã được học nghề trong lần cai nghiện bắt buộc đầu tiên.

b) Hình thức học

- Trường hợp cơ sở cai nghiện công lập, trường giáo dưỡng trực tiếp tổ chức đào tạo thì cơ sở được chi các nội dung: Khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ; mua tài liệu, giáo trình, học liệu đào tạo; thù lao giáo viên dạy lý thuyết và giáo viên hướng dẫn thực hành; mua nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ công tác đào tạo; chỉnh sửa, biên soạn lại chương trình, giáo trình (nếu có); chi phí điện, nước phục vụ lớp học; sửa chữa tài sản, thiết bị đào tạo; chi thuê thiết bị đào tạo (nếu có); chi cho công tác quản lý lớp học không quá 5% tổng kinh phí cho lớp đào tạo.

- Trường hợp đào tạo cho người cai nghiện ma túy theo hình thức liên kết đào tạo giữa cơ sở cai nghiện công lập, trường giáo dưỡng với cơ sở giáo dục nghề nghiệp thì thanh toán theo hợp đồng đào tạo.

5. Chi chế độ lao động trị liệu: Thực hiện theo quy định tại Điều 117, Điều 118 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP. Trường cơ sở cai nghiện ma túy công lập quyết định tiêu chí, tiền công phù hợp với kết quả lao động của người cai nghiện ma túy.

6. Chi chế độ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí của người cai nghiện ma túy theo quy định tại Điều 119 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP: Mức chi 114.000 đồng/người cai nghiện ma túy/năm.

7. Chi mai táng đối với trường hợp người cai nghiện ma túy chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện công lập, trường giáo dưỡng mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đối tượng chết theo quy định tại khoản 2 Điều 122 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP: Trường cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng có trách nhiệm tổ chức mai táng người cai nghiện ma túy và kinh phí mai táng do ngân sách nhà nước bảo đảm theo chi phí mai táng thực tế tại địa phương, tối thiểu bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

8. Chi hỗ trợ đưa người cai nghiện ma túy chấp hành xong quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú:

a) Người cai nghiện ma túy khi chấp hành xong quyết định trở về địa phương nơi cư trú được cấp tiền tàu xe, tiền ăn khi đi đường và 01 (một) bộ

quần áo thường theo quy định tại khoản 3 Điều 123 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP, cụ thể:

- Tiền ăn: mức hỗ trợ 80.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày.

- Tiền tàu xe: mức hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

- Cấp 01 (một) bộ quần áo mùa hè hoặc 01 (một) bộ quần áo mùa đông.

b) Chi chế độ công tác phí cho người đưa người cai nghiện ma túy sau khi chấp hành xong quyết định theo quy định tại Điều 124 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BCA được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 110/2025/TT-BCA.

9. Chi truy tìm người nghiện ma túy đang hưởng chế độ chịu tang khi hết thời gian chịu tang mà không trở lại cơ sở cai nghiện công lập, trường giáo dưỡng theo quy định tại Điều 121 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP; người cai nghiện ma túy được điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bên ngoài cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng) hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa về gia đình điều trị bệnh bỏ trốn theo quy định tại Điều 114 Nghị định 163/2026/NĐ-CP: nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này.

10. Chi thuê chuyên gia giáo dục, tư vấn phục hồi hành vi, nhân cách cho người cai nghiện ma túy: Căn cứ vào mức độ cần thiết triển khai hoạt động và dự toán ngân sách được giao, Thủ trưởng cơ sở cai nghiện công lập, trường giáo dưỡng quyết định việc thuê chuyên gia trong nước hoặc tổ chức tư vấn độc lập. Mức chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn độc lập thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

11. Các khoản chi khác trực tiếp phục vụ hoạt động cai nghiện theo quy định của pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tuân thủ các quy định về hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, bao gồm:

a) Chi mua, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ cho công tác tư vấn, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, phòng chống tái nghiện ma túy, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác cho đối tượng.

b) Chi cho công tác vệ sinh môi trường, phòng dịch.

Chương IV

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN

Điều 7. Chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Chi lập hồ sơ, xác định tình trạng nghiện đối với người tự nguyện xác định tình trạng nghiện và người đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện; xét duyệt hồ sơ đăng ký cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

a) Chi lập, xét duyệt hồ sơ: Mức chi 34.000 đồng/hồ sơ.

b) Chi xác định tình trạng nghiện đối với người tự nguyện xác định tình trạng nghiện và người đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện: nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

2. Chi hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã: Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức thù lao hàng tháng, nhưng tối đa không quá 0,6 (không phẩy sáu) lần mức lương cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 130 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

Trường hợp một người được phân công trực tiếp tư vấn, quản lý, hỗ trợ đồng thời nhiều đối tượng hoặc nhiều nhiệm vụ cùng lúc thì được hưởng 01 mức thù lao hàng tháng cao nhất.

3. Chi hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 (ba) giai đoạn theo quy định tại Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP: Mức hỗ trợ tối thiểu bằng mức lương cơ sở.

Điều 8. Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng

1. Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng: áp dụng nội dung chi, mức chi tương tự chi thực hiện chế độ đối với người nghiện bị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP và thực hiện theo Điều 6 Thông tư này.

2. Chi thực hiện chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng thực hiện tối đa 03 giai đoạn quy định tại Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng: áp dụng nội dung chi, mức chi tương tự chi thực hiện chế độ đối với người nghiện bị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, trường giáo dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 131 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP và thực hiện theo Điều 6 Thông tư này.

Chương V

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI NƠI CƯ TRÚ

Điều 9. Chi cho công tác quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú

1. Chi lập hồ sơ quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú: Mức chi 34.000 đồng/hồ sơ.

2. Chi tổ chức quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú (chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, cước phí bưu chính, in ấn tài liệu, mẫu biểu phục vụ cho công tác lập hồ sơ): Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tuân thủ các quy định về hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

3. Chi xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, xác định tình trạng nghiện cho người đang trong thời hạn quản lý sau cai định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế:

a) Mức chi công cụ xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể người, công cụ xác định tình trạng nghiện cho người đang trong thời hạn quản lý sau cai thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Mức chi trả cho cơ quan chuyên môn thực hiện xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, xác định tình trạng nghiện cho người đang trong thời hạn quản lý sau cai được tính theo giá dịch vụ y tế do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở y tế công lập đủ điều kiện tiến hành xét nghiệm chất ma túy, xác định tình trạng nghiện ma túy nơi đối tượng đến thực hiện thủ tục và bảo đảm trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể hoặc kết quả xác định tình trạng nghiện còn trong thời hạn hiệu lực (thời hạn hiệu lực của từng phương pháp xét nghiệm chất ma túy hoặc xác định tình trạng nghiện thực hiện theo quy định của cơ quan chuyên môn) thì được sử dụng liên thông giữa các cơ quan, đơn vị; bảo đảm không thanh toán lại kinh phí xét nghiệm cho cùng một nội dung đối với cùng một đối tượng.

4. Chi hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã: Mức chi thực hiện tương đương chi hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

5. Chi hỗ trợ học nghề cho người sau cai nghiện ma túy có nhu cầu tham gia đào tạo nghề nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 137 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 40/2019/TT-BTC.

Chương VI

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG TẠI CÁC CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP

Điều 10. Chi chế độ đối với người lao động hợp đồng tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Người lao động hợp đồng làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập được hưởng chế độ, chính sách trợ cấp, phụ cấp theo quy định của pháp luật.
2. Chi trang phục cho người lao động hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ cai nghiện ma túy theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tuân thủ các quy định về hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

Chương VII

LẬP, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Điều 11. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí

1. Việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, chế độ áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy, trường giáo dưỡng và công tác quản lý sau cai nghiện ma túy quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và các quy định pháp luật có liên quan. Riêng đối với hóa đơn, chứng từ chi tiêu điện tử phải bảo đảm thực hiện thống nhất với các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, chứng từ điện tử và lưu trữ điện tử.

2. Việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, tại cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định tại khoản 3 Điều 131 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP như sau:

a) Hàng năm, cùng thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước, công an cấp tỉnh, thành phố căn cứ kế hoạch cai nghiện ma túy cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, tại cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân; nội dung, mức hỗ trợ và số lượng đối tượng người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, tại cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân ở địa phương để lập dự toán kinh phí, gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Việc thanh toán các khoản kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

b) Công an cấp tỉnh, thành phố thực hiện quản lý, chi trả kinh phí hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nhân theo dự toán được cấp có thẩm quyền giao và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước trên cơ sở các căn cứ sau:

- Danh sách nhận kinh phí hỗ trợ của người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nhân (có chữ ký hoặc dấu tay điểm chỉ của đối tượng được hỗ trợ). Công an cấp tỉnh, thành phố lưu chứng từ này làm cơ sở quyết toán.

- Đối chiếu với hồ sơ, tài liệu xác nhận người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nhân đã hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP. Công an cấp tỉnh, thành phố lưu giữ hồ sơ, tài liệu có liên quan theo quy định.

c) Công an cấp tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổng hợp quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nhân theo quy định.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Riêng thời điểm áp dụng chi trang phục của người cai nghiện ma túy và người lao động hợp đồng tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập quy định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 10 Thông tư này được áp dụng từ ngày 01 tháng 6 năm 2027 theo quy định tại khoản 2 Điều 150 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP.

2. Đối với các khoản kinh phí liên quan đến công tác phòng, chống ma túy đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phân bổ để thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương;
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, VI (82b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương